

Số: 15/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

**QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ,
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ CỦA
TỔ CHỨC KINH TẾ**

Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

2. Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế^[1]^[2]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh^[3]

Nghị định này quy định về:

1. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ (không bao gồm hoạt động đối tiền của nước có chung biên giới).

2. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ.

3. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng[4]

1. Tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ; tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ; tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.

2.[5] Tổ chức tín dụng ủy quyền là tổ chức tín dụng được phép ủy quyền cho tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ hoặc làm đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới. Đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, tổ chức tín dụng ủy quyền phải có trụ sở chính và/hoặc chi nhánh tại tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

3. Tổ chức kinh tế (không bao gồm tổ chức tín dụng) là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.

4.[6] Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

5.[7] Tiền của nước có chung biên giới là Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY), Kíp Lào (LAK), Riel Campuchia (KHR). Tiền của nước nào chỉ được đổi tại khu vực biên giới đất liền hoặc khu kinh tế cửa khẩu tiếp giáp với nước đó. Khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ

Tổ chức kinh tế chỉ được thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ:

1.[8] *(được bãi bỏ)*

2. Có địa điểm đặt đại lý đổi ngoại tệ tại một hoặc nhiều địa điểm theo quy định sau:

a) Cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan quản lý nhà nước về du lịch xếp hạng từ 3 sao trở lên;

b) Cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường không, đường thủy);

c) Khu vui chơi giải trí có thưởng dành cho người nước ngoài được cấp phép theo quy định pháp luật;

d) Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch của nước ngoài và văn phòng bán vé quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam;

đ) Khu du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị có khách nước ngoài tham quan, mua sắm.

3.[9] (*được bãi bỏ*).

4.[10] (*được bãi bỏ*).

5.[11] Có quy trình nghiệp vụ đối ngoại tệ, có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đối ngoại tệ; tại nơi giao dịch phải có bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đối ngoại tệ.

6. Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý đối ngoại tệ.

7.[12] Một tổ chức kinh tế chỉ được làm đại lý đối ngoại tệ cho một tổ chức tín dụng được phép.

Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

a)[13] (*được bãi bỏ*);

b)[14] (*được bãi bỏ*);

c) Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

d) Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký,

2. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận gia hạn thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tối thiểu 04 quý từ thời điểm được cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận gia hạn gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ

1. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ:

a)[15] (*được bãi bỏ*);

b)[16] (*được bãi bỏ*);

c) Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tối thiểu 04 quý từ thời điểm được cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận gia hạn gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.

Điều 6a. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới[17]

1. Tổ chức kinh tế chỉ được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận). Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận:

a) Điều kiện về trụ sở chính, chi nhánh:

(i) Có trụ sở chính tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh biên giới; hoặc

(ii) Có trụ sở chính và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới; hoặc

(iii) Có trụ sở chính tại tỉnh biên giới và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới;

b) Điều kiện về địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới: Có địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính hoặc chi nhánh;

c) Có quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới; có bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch;

d) Được tổ chức tín dụng ủy quyền ủy quyền làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

đ) Một tổ chức kinh tế chỉ được làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho một tổ chức tín dụng ủy quyền.

2. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét gia hạn Giấy chứng nhận:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn;

c) Không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tối thiểu 03 quý trong 01 năm từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận hoặc gia hạn Giấy chứng nhận gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.

Điều 6b. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận[18]

1. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức kinh tế đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức kinh tế nộp hồ sơ là bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

2. Các thành phần hồ sơ là đơn đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận, báo cáo, hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với tổ chức tín dụng ủy quyền phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức kinh tế ký.

Điều 6c. Các trường hợp cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận[19]

1. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục tổ chức lại, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới.

2. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp thay đổi sau:

a) Thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức kinh tế;

b) Thay đổi địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

c) Tăng số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

d) Tăng mức tồn quỹ tiền của nước có chung biên giới.

Đối với trường hợp quy định tại điểm a, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục thay đổi tên, địa chỉ, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới.

3. Tổ chức kinh tế vẫn được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời gian làm thủ tục đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận.

4. Trường hợp thay đổi tên của tổ chức tín dụng ủy quyền, giảm số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tổ chức kinh tế thực hiện thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi.

Điều 6d. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận^[20]

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao giấy tờ chứng minh về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định này;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch;

d) Quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi tiền của nước có chung biên giới; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo; biện pháp xử lý khi phát hiện tiền giả, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông;

đ) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm các nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(iii) Quy định đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới chỉ được mua tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) và bán lại số tiền mặt mua được (ngoài số tiền mặt tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (quy định về xác định tỷ giá bán chỉ áp dụng cho đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và quy định của pháp luật; quy định về xử lý vi phạm trong trường hợp đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới vi phạm hợp đồng và quy định pháp luật về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn bán số tiền mặt của nước có chung biên giới mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại).

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 6c Nghị định này;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch và bản sao giấy tờ chứng minh về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định này (đối với trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 6c Nghị định này).

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền còn hiệu lực;

c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới theo Giấy chứng nhận được cấp, trong đó có nội dung đảm bảo đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6a Nghị định này.

Điều 6d. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận^[21]

1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận thì tổ chức kinh tế hoặc chi nhánh được ủy quyền của tổ chức kinh tế gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới:

a) Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận:

(i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ;

(ii) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) cho tổ chức kinh tế. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do;

b) Trình tự, thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận:

(i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ;

(ii) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp lại Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) cho tổ chức kinh tế. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do;

c) Giấy chứng nhận chỉ cấp cho tổ chức kinh tế, không cấp cho chi nhánh của tổ chức kinh tế.

3. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn:

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn phù hợp với thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới đã ký kết giữa tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng ủy quyền nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 6e. Thu hồi Giấy chứng nhận[22]

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức kinh tế không hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;

b) Tổ chức kinh tế ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh số đổi tiền của nước có chung biên giới trong 12 tháng liên tục;

c) Tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới đề nghị chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

d) Các trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn.

Điều 6g. Các trường hợp tự động hết hiệu lực[23]

Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn tự động hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tín dụng ủy quyền chấm dứt hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với tổ chức kinh tế.”

Điều 7. Tổ chức thực hiện^[24]^[25]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC3 (2).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

Phụ lục

(kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới
Mẫu số 02	Đơn đề nghị điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới
Mẫu số 05	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới/Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới

TỔ CHỨC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....thángnăm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... (nếu có)

Trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... ký giữa ... (tên tổ chức kinh tế) và ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền);

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới như sau:

Stt	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		

n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		
---	--	--	--

Lý do cấp lại: ...

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)



TỔ CHỨC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../...

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với nội dung như sau:

1.

2.

3.

Lý do điều chỉnh:...

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ
CHUNG BIÊN GIỚI

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../....

CHỨNG NHẬN

Điều 1.

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../.....

Cơ quan cấp:

Đã đăng ký làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền) trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... như sau:

Stt	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có		

	chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		
n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ...

Điều 3. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) phải chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
 - (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
 - NHNN chi nhánh ...
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

VBPL-TS24.COM.P
www.TS24.com.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN
CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

*(Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số... ngày...,
Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên
giới lần... số... ngày...)*

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số... ngày .../.../...

CHỨNG NHẬN

Điều 1.

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... đã điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với các nội dung sau:

1.
2.
3.

Các nội dung khác trong Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giấy chứng nhận này là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../.... của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ...

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
- (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
- NHNN chi nhánh....
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới/Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; (nếu có)

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới/Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (nếu có) số ... ngày .../.../... cấp cho ... (tên tổ chức kinh tế).

Lý do thu hồi: ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ...

Điều 3: ... (Tên tổ chức kinh tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
- (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
- NHNN chi nhánh....
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

[1] Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

[2] Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.”

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[8] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[10] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[13] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[14] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[15] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[16] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

[17] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[18] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[19] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[20] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[21] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[22] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[23] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại (tệ), hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[24] Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./”

[25] Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Giấy phép thành lập bàn đối ngoại tệ đã cấp cho cá nhân tự động hết hiệu lực và cá nhân phải chấm dứt hoạt động đối ngoại tệ. Cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện hoạt động đối tiền của nước có chung biên giới phải thành lập tổ chức kinh tế để được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cho phép thực hiện hoạt động đại lý đối tiền của nước có chung biên giới theo quy định tại Nghị định này.

3. Nghị định này bãi bỏ Điều 7 Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

[26] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[27] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[28] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[29] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[30] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.